

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30-9-2025

V/v: *Tranh chấp ly hôn,
nuôi con.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Minh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Lợi

2. Ông Lê Xuân Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Đức Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thanh Hóa xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 45/2025/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2025, về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 34/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị V, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Khu dân cư 20, tổ dân phố 6, xã T, tỉnh Q.

CCCD số: 051189009333

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn H, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số nhà 01, đường 01, thôn Đ, xã Q, tỉnh Thanh Hóa.

CCCD số: 038089030026

Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Ngô Thị V vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Trần Văn H vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Ngô Thị V trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn H tự nguyện tìm hiểu, kết hôn năm 2012 và thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hoá (Số 19/2012, quyền số 01/2011 ngày 21/02/2012), nay là xã Q, tỉnh Thanh Hoá. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì

phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung không đi đến thống nhất nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn hai bên gia đình cũng đã nhiều lần khuyên giải nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, trầm trọng nên từ năm 2016 cho đến nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm gì đến cuộc sống của nhau nữa.

Nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn H.

Về con chung: Chị và anh Trần Văn H có 01 con chung, tên cháu là Trần Bảo N, sinh ngày 28/12/2011. Sau khi ly hôn, chị đề nghị giao cháu N cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị tự nguyện nuôi con chung cùng anh H mỗi tháng là 2.000.000đ, thời gian cấp dưỡng từ khi Toà án có quyết định cho ly hôn đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị Ngô Thị V không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

Bị đơn là anh Trần Văn H vắng mặt trong suốt quá trình Toà án thụ lý, giải quyết vụ án nên không có ý kiến trình bày.

Ngày 11/9/2025, Toà án nhân dân Khu vực 2 – Thanh Hoá đã tiến hành làm việc, xác minh tại địa phương nơi anh Trần Văn H cư trú, kết quả xác định:

Người thân của anh Trần Văn H cung cấp thông tin cho biết, anh H đi làm Công ty gần nhà nên sáng đi, tối về; gia đình đã nhận được các loại văn bản của Toà án như triệu tập, thông báo thụ lý của Toà án, gia đình đã thông báo và chuyển các loại giấy tờ kê trên cho anh H, anh đã biết việc Toà án thụ lý vụ án mà anh là bị đơn nhưng không có ý kiến gì mà đề nghị Toà án giải quyết theo pháp luật.

Đại diện thôn và chính quyền địa phương xác nhận: Anh Trần Văn H hiện đang sinh sống, cư trú tại thôn Đ, xã Q, tỉnh Thanh Hoá. Anh H và chị V đã ly thân, hiện không còn chung sống cùng nhau nữa, anh, chị có một con chung, kể từ khi bố mẹ ly thân cháu vẫn sinh sống cùng anh H, cháu được bố chăm sóc, cho ăn học đầy đủ; địa phương ghi nhận các nội dung làm việc giữa đại diện Toà án và gia đình anh H.

Cùng ngày 11/9/2025, cháu Trần Ngô Bảo N là con chung của chị Ngô Thị V và anh Trần Văn H có bản trình bày ý kiến: Từ nhỏ cháu sinh sống và lớn lên cùng bố và ông, bà nội, cháu biết việc bố, mẹ hiện không chung sống cùng nhau nữa, kể từ khi mẹ cháu về bên ngoại ở cháu vẫn ở cùng bố và ông, bà nội. Nếu bố mẹ cháu không tiếp tục quay lại chung sống với nhau cháu có nguyện vọng ở cùng với bố.

Bị đơn là anh Trần Văn H vắng mặt trong suốt quá trình Toà án thụ lý, giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

* Tại phiên toà, Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Thanh Hoá phát biểu:

- Về tố tụng: Quá trình thiết lập hồ sơ vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48, 49, 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70,

71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 238; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị V.

Về hôn nhân: Cho chị Ngô Thị V được ly hôn anh Trần Văn H.

Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Ngô Bảo N, sinh ngày 28/12/2011 cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị V về việc cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000đ, thời gian cấp dưỡng kể từ khi Toà án xét xử cho ly hôn đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị Ngô Thị V không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét.

Về án phí: Chị Ngô Thị V phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Ngô Thị V khởi kiện vụ án Hôn nhân gia đình về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” giữa chị với bị đơn là anh Trần Văn H có nơi cư trú tại thôn Đ, xã Q, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Ngô Thị V vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Trần Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về hôn nhân: Chị Ngô Thị V và anh Trần Văn H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật (Số 19/2012, quyền số 01/2011 ngày 21/02/2012, theo Trích lục kết hôn số 538/2025/TLKH-BS ngày 12/6/2025 của UBND xã Q, huyện Q (nay là UBND xã Q), tỉnh Thanh Hoá. Việc kết hôn giữa chị V và anh H không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung không đi đến thống nhất nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn hai bên gia đình cũng đã nhiều lần khuyên giải nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn

vợ chồng ngày càng căng thẳng, trầm trọng nên từ năm 2016 cho đến nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm gì đến cuộc sống của nhau nữa. Nội dung này đã được Toà án xác minh tại gia đình và địa phương nơi anh H cư trú, phù hợp với nội dung nguyên đơn đã trình bày; quá trình Toà án Thụ lý vụ án, đã thông báo cho anh H biết việc chị V có đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn anh nhưng anh H không có mặt để Toà án hoà giải, giải quyết vụ án, bên cạnh đó nguyên đơn là chị Ngô Thị V có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải, cương quyết yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn, như vậy có đủ cơ sở khẳng định mâu thuẫn giữa chị V và anh H đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn tình nghĩa vợ chồng. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Ngô Thị V được ly hôn anh Trần Văn H.

- Về con chung: Chị Ngô Thị V và anh Trần Văn H có 01 con chung, tên cháu là Trần Ngô Bảo N, sinh ngày 28/12/2011, nội dung này phù hợp với kết quả xác minh của Toà án tại gia đình và địa phương nơi anh H cư trú. Theo nội dung đơn khởi kiện, chị V yêu cầu Toà án giao cháu N cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị V, Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp với ý kiến, nguyện vọng của cháu Trần Ngô Bảo N, phù hợp với thực tế, vì vậy để bảo đảm quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên, bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn trong đời sống, học tập của con chưa thành niên nên có cơ sở chấp nhận.

Đối với sự tự nguyện của chị Ngô Thị V về việc cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H mỗi tháng là 2.000.000đ, thời gian cấp dưỡng từ khi Toà án có quyết định cho ly hôn đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình, quy định về mức lương tối thiểu vùng tại địa bàn là phù hợp nên chấp nhận sự tự nguyện của chị Ngô Thị V.

- Về tài sản: Nguyên đơn là chị Ngô Thị V không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Ngô Thị V phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 238; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị V.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Ngô Thị V được ly hôn anh Trần Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Ngô Bảo N, sinh ngày 28/12/2011 cho anh Trần Văn H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Ngô Thị V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10 năm 2025 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Chị Ngô Thị V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Ngô Thị V không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Ngô Thị V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung, tổng số tiền án phí chị V phải nộp là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ một phần vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu ký hiệu BLTU/25E số 0000136 ngày 07/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Chị Ngô Thị V còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND khu vực 2 - Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Lê Văn Minh